

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **146/2021/DS-ST**
Ngày 28-9-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thuý Hà.

2. Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2020/TLST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2020, về việc *Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lưu Văn L**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố 08, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Mai Văn T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Biên bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lưu Văn L trình bày: Ngày 10/6/2020 anh Mai Văn T có thuê tôi đổ bê tông xi măng đường bê tông tại thôn bản Pi Át, xã Thổ Bình, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, với khối lượng bê tông xi măng là $290,0m^3 \times 180.000 \text{ đồng}/m^3 = 52.200.000 \text{ đồng}$ và tiền công thời gian máy làm bê tông là $23 \text{ giờ} \times 350.000 \text{ đồng}/\text{giờ} = 8.050.000 \text{ đồng}$. Sau khi hợp đồng và thi công xong, anh T đã tạm ứng cho tôi 04 lần được tổng cộng là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng), còn nợ lại tôi lấy tròn số là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), nên ngày 30/9/2020 anh T viết giấy nhận nợ hẹn 07 đến 10 ngày sau sẽ trả đủ tôi, nhưng đến hạn anh T không trả mặc dù tôi đã rất nhiều lần đòi nợ anh T.

Tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc anh Mai Văn T có trách nhiệm trả tôi tiền công tôi đã làm thuê đổ bê tông xi măng đường bê tông tổng cộng là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) gốc và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, kể từ ngày 10/10/2020 đến ngày 31/8/2021 (lấy tròn tháng) và yêu cầu anh L hoàn trả lại cho tôi toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký của anh L là 2.820.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Ngoài ra tôi không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Về địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở của tôi hiện nay tôi là tổ dân phố 08, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, về tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp cho Tòa án.

Anh L cung cấp:

+ 01 Giấy nhận nợ tiền đổ bê tông 16.000.000 đồng, giấy đề ngày 30/9/2020, mang tên Mai Văn T (Bản gốc).

+ 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lưu Văn L, sinh ngày 08/7/1971 (Bản sao có chứng thực);

+ 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lưu Thị Tuyết (Bản phô tô có chứng thực);

+ 01 giấy xác nhận thông tin về nơi cư trú của Công an phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề ngày 09/9/2021 xác nhận anh Lưu Văn L đăng ký hộ khẩu thường trú ở tổ dân phố 08, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (bản chính).

Anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ gồm:

Do triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, nên không lấy được ý kiến của anh T, do vậy Tòa án Quyết định trưng cầu giám định số 06/QĐ-TCGD ngày 15/7/2021 về chữ viết, chữ ký của anh Mai Văn T để làm căn cứ giải quyết vụ án theo pháp luật.

- Kết luận giám định số 678/GĐ-KTHS ngày 27/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ viết, chữ ký ghi tên Mai Văn T trên mẫu cần giám định ký hiệu G1 với chữ viết, chữ ký đứng tên Mai Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu H1 (trừ chữ viết tại mục “18. dấu vết riêng và dị hình”) là do cùng một người viết và ký.

- 01 Giấy biên nhận thu tiền bồi dưỡng giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đề ngày 27/7/2021, với số tiền là 2.820.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, cung cấp cho biết mức lãi suất cơ bản hàng năm Việt Nam từ năm 2010 đến nay được quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh Mai Văn T đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, nên không lấy được ý kiến của anh T và không tiến hành hoà giải được cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố T, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng

trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh L đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn anh T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào các Điều 357; 513; 514; 519 của Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 160; 207; 227; 228; 235; 264; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Văn L.
- Buộc anh Mai Văn T có trách nhiệm trả cho anh Lưu Văn L tổng số tiền gốc là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định, kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày 31/8/2021.

- Buộc anh Mai Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Lưu Văn L toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký của anh L là 2.820.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Khoản tiền phải trả trên, nếu anh T chậm thi hành án dân sự thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền gốc và lãi còn nợ hợp đồng dịch vụ theo quy định của pháp luật. Anh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh L tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, thấy rằng do quen biết, nên anh Mai Văn T có thuê anh Lưu Văn L đổ bê tông xi măng đường bê tông tại thôn bản Pi Át, xã Thổ Bình, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, với khối lượng bê tông xi măng là $290,0m^3 \times 180.000 \text{ đồng}/m^3 = 52.200.000 \text{ đồng}$ và tiền công thời gian máy làm bê tông là $23 \text{ giờ} \times 350.000 \text{ đồng}/\text{giờ} = 8.050.000 \text{ đồng}$. Sau khi hợp đồng và thi công xong, anh T đã tạm ứng cho anh L 04 lần được tổng cộng là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng), còn lại lấy tròn số là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) anh T chưa trả, nên ngày 30/9/2020 anh T đã viết giấy nhận nợ tiền công đổ bê tông công trình đường bê tông hẹn 07 đến 10 ngày sau sẽ trả đủ anh L, nhưng đến hẹn anh T không trả, nên anh L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh T trả đủ tiền gốc và lãi theo quy định. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp và địa chỉ của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Long: Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã xác định nội dung tranh chấp của vụ án dân sự này là *Kiện đòi tài sản*, nhưng sau quá trình xét xử, Hội đồng xét xử xác định nội dung tranh chấp của vụ án dân sự này là *Tranh chấp hợp đồng dịch vụ* để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lưu Văn L có địa chỉ là số nhà 10, tổ dân phố 09, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Nay căn cứ vào lời khai của anh L và giấy xác nhận thông tin về nơi cư trú của Công an phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề ngày 09/9/2021 xác nhận anh Lưu Văn L đã đăng ký hộ khẩu thường trú ở tổ dân phố 08, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, để thay đổi lại địa chỉ của nguyên đơn anh Lưu Văn L theo quy định của pháp luật.

[3] Căn cứ vào Giấy nhận nợ tiền công đồ bê tông công trình đường bê tông đề ngày 30/9/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ căn cứ pháp luật chứng minh anh Mai Văn T có thuê anh Lưu Văn L đổ bê tông xi măng đường bê tông tại thôn bản Pi Át, xã Thổ Bình, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi hợp đồng và thi công xong, anh T đã tạm ứng 44.000.000 đồng cho anh L, còn lại 16.000.000 đồng anh T chưa trả cho anh L, nên ngày 30/9/2020 anh T đã viết giấy nhận nợ tiền công đồ bê tông công trình đường bê tông hẹn 07 đến 10 ngày sau sẽ trả đủ anh L, nhưng đến hạn anh T không trả, nên anh L yêu cầu anh T có trách nhiệm trả 16.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, kể từ ngày 10/10/2020 đến ngày 31/8/2021, anh T phải chịu lãi suất nếu chậm trả theo quy định là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung khởi kiện của anh L theo các Điều 357; 513; 514; 519 của Bộ luật dân sự quy định. Cụ thể được tính toán như sau:

Từ ngày 10/10/2020 đến ngày 31/8/2021 là 326 ngày.

$16.000.000 \text{ đồng gốc} \times 9\%/\text{năm} \times 326 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 1.286.137 \text{ đồng}$ (Một triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm ba bảy đồng) tiền lãi.

Tổng cộng $16.000.000 \text{ đồng tiền gốc} + 1.286.137 \text{ đồng tiền lãi} = 17.286.137 \text{ đồng}$ (Mười bảy triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm ba bảy đồng) là số tiền gốc và lãi anh T phải trả cho anh L.

[4] Do anh L yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của anh T làm căn cứ giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, nên buộc anh T có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký của anh L là 2.820.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) theo Điều 160 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Hai khoản tiền phải trả trên, nếu anh T chậm thi hành án dân sự thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với bị đơn anh Mai Văn T quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, không lấy được ý kiến của anh T; không tiến hành hoà giải được cho hai bên đương sự và anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh L được chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung khởi kiện, nên anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho anh L là 17.286.137 đồng (Mười bảy triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm ba bảy đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[7] Nguyên đơn là anh L có mặt; bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt anh T theo Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357; 513; 514; 519 của Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 160; 207; 227; 228; 235; 264; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Buộc anh Mai Văn T có trách nhiệm trả cho anh Lưu Văn L tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 17.286.137 đồng (Mười bảy triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm ba bảy đồng); trong đó 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) là tiền gốc và 1.286.137 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm ba bảy đồng) là tiền lãi.

- Buộc anh Mai Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Lưu Văn L toàn bộ số tiền 2.820.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) chi phí giám định chữ viết, chữ ký của anh Mai Văn T.

Tổng cộng hai khoản tiền anh Mai Văn T có trách nhiệm trả cho anh Lưu Văn L là 20.106.137 đồng (Hai mươi triệu một trăm linh sáu nghìn một trăm ba bảy đồng).

Khoản tiền phải trả trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: - Anh Mai Văn T phải chịu 864.306 đồng (Tám trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm linh sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Anh Lưu Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Lưu Văn L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000804 ngày 29/12/2020, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyền kháng cáo: - Anh Lưu Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Anh Mai Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn